

CHỦ ĐỀ 2: ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN

D. THIÊN NHIÊN NHIỆT ĐỐI ẨM GIÓ MÙA

1. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa

a. Tính chất nhiệt đới

- Nguyên nhân do.....
- Biểu hiện : Tổng bức xạ lớn, cán cân bức xạ dương quanh năm.
- Nhiệt độ trung bình năm..... Tổng số giờ nắng từ.....

b. Lượng mưa và độ ẩm lớn

- Lượng mưa lớn, trung bình: ở sườn núi đón gió biển và các khối núi cao lượng mưa có thể lên đến 3500 – 4000mm/năm.
- Độ ẩm không khí cao, trên 80%. Cán bằng ẩm luôn luôn dương.

c. Gió mùa

- VN nằm trong vùng nên gió quanh năm.
- VN còn chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của các với 2 mùa gió chính.

	Gió mùa Đông: (Gió mùa ĐB)	Gió mùa mùa Hạ: (Tháng 5→10) Mùa hạ có 2 hướng gió Tây Nam thổi vào VN	
Thời gian	Từ tháng 11→th 4 năm sau.	Đầu mùa hạ từ tháng 5→th 6	Giữa và cuối mùa hạ từ tháng 7→th10
Nguyên nhân	Khối khí lạnh phương Bắc di chuyển theo hướng đông bắc vào Miền Bắc VN nên gọi là gió mùa Đông Bắc.	Khối khí nhiệt đới ẩm từ Bắc Ấn Độ D thổi vào theo hướng TN gây mưa lớn cho Nam Bộ và Tây Nguyên.	Gió từ áp cao cận chí tuyến Nam bán cầu theo hướng ĐN (Tháng 7→8)
Phạm vi và tính chất hoạt	- Gió mùa ĐB chỉ tác động mạnh ở M.Bắc tạo nên 1 mùa động lạnh. + Nửa đầu mùa Đông lạnh khô , nửa sau mùa Đông lạnh ẩm có mưa phùn.	Khi vượt Trường Sơn tràn xuống Đ.Bằng ven biển Trung Bộ và phần nam khu vực Tây Bắc khối khí này trở nên khô nóng.	Khi vượt qua X.Đạo (đổi thành hướng TN) , trở nên nóng ẩm, gây mưa lớn, kéo dài ở Nam Bộ và Tây Nguyên + Hoạt động của gió mùa TN cùng với dãy hội tụ

động	<ul style="list-style-type: none"> - Khi xuồng phía Nam, gió này suy yếu dần, bớt lạnh và bị chặn lại ở dãy Bạch Mã. - Từ Đà Nẵng trở vào, Tín phong Bắc bán cầu cũng thổi theo hướng ĐB chiếm ưu thế, gây mưa cho vùng ven biển Trung bộ, trong khi Nam Bộ và Tây Nguyên là mùa khô nắng, nóng. 	(Gió phon TN còn gọi là gió Tây, hay gió Lào)	nhiệt đới gây mưa cho 2 miền Nam, Bắc vào mùa hạ và mưa cho Trung Bộ vào tháng 9 +Do áp thấp Bắc Bộ, khối khí này theo hướng ĐN vào Bắc Bộ tạo nên “gió mùa Đông Nam” ở miền Bắc
-------------	--	---	---

=>
Hệ quả:
 hoạt động

của gió mùa đã dẫn tới sự phân chia mùa khí hậu khác nhau giữa các khu vực:

- Miền Bắc: có mùa đông và mùa hạ
- Miền Nam: có hai mùanền nhiệt độ cao quanh năm
- Giữa Tây Nguyên và đồng bằng ven biển Trung Trung Bộ: có sự đối lập về hai mùa mưa, khô, nhưng ven biển Trung Trung bộ mùa mưa lệch về thu đông

2. Biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa qua các thành phần tự nhiên khác.

Thành phần	Địa hình	Sông ngòi	Đất	Sinh vật
Đặc điểm của các thành phần	<ul style="list-style-type: none"> - Xâm thực mạnh ở..... (đất trượt, đá lở). - Bồi tụ nhanh ở (Đồng bằng châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long tiến ra biển gần trăm mét mỗi năm). 	<ul style="list-style-type: none"> - Dày đặc. - Sông ngòi nhiều nước, hàm lượng phù sa lớn (839 tỉ m³ nước và 200 triệu tấn phù sa/năm). - Chế độ nước theo mùa. 	<ul style="list-style-type: none"> - Quá trình feralit diễn ra nhanh ở vùng đồi núi trên đá mẹ axit. - Đất feralit có đặc tính chua nhiều ôxit sắt và ôxit nhôm, có màu đỏ vàng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ sinh thái rừng nguyên sinh nhiệt đới ẩm là rừng lá rộng thường xanh. - Thành phần loài nhiệt đới chiếm ưu thế. - Hệ sinh thái rừng nhiệt đới ẩm gió mùa trên đất feralit là cảnh quan tiêu biểu.

3. Ảnh hưởng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa đến sản xuất và đời sống

Đối với sản xuất nông nghiệp	Đối với các ngành khác và đời sống
<p>- Nền nhiệt ẩm cao, khí hậu phân mùa tạo điều kiện phát triển nông nghiệp nhiệt đới (trồng lúa nước, trồng vụ, đa dạng hóa sản phẩm).</p> <p>- Tính thất thường của thời tiết và khí hậu gây khó khăn, trở ngại cho sản xuất nông nghiệp.</p>	<p>- Tạo điều kiện cho hoạt động của giao thông, du lịch, công nghiệp, xây dựng...</p> <p>- Sự phân mùa, độ ẩm cao, các thiên tai, tai biến về thời tiết... gây nhiều trở ngại ảnh hưởng tới sản xuất của các ngành và tới đời sống, sinh hoạt.</p>

E. THIÊN NHIÊN PHÂN HÓA ĐA DẠNG

1. Thiên nhiên phân hóa Bắc – Nam

Do sự thay đổi khí hậu theo vĩ độ

	a-Phần lãnh thổ phía Bắc (Từ dãy Bạch Mã trở ra):	b- Phần lãnh thổ phía Nam (Từ dãy Bạch Mã trở vào):
Thiên nhiên đặc trưng của vùng khí hậu	Nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông lạnh	Nhiệt đới ẩm gió mùa, cận xích đạo
Khí hậu thể hiện	<p>-Nhiệt độ TB năm ></p> <p>.Do ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc, nên mùa đông (TB < 18⁰C).</p> <p>-Biên độ nhiệt năm</p>	<p>-Nhiệt độ TB năm ></p> <p>Nền nhiệt độ thiên về khí hậu xích đạo:</p> <p>quanh năm với hai mùa mưa và khô</p> <p>-Biên độ nhiệt năm</p>
Cảnh quan tiêu biểu	<p>Rừng nhiệt đới gió mùa :</p> <p>- Mùa đông: Lạnh, mưa ít. Nhiều cây rụng lá</p> <p>- Mùa hạ: Nắng nóng, mưa nhiều. Cây cối xanh tốt</p> <p>- ĐTV chiếm ưu thế</p> <p>+TV có cả loài á nhiệt đới, ôn đới. Ở đồng bằng mùa đông trồng được cả rau ôn đới</p> <p>+ ĐV có thú lông dày (gấu,</p>	<p>Rừng nhiệt đới gió mùa cận xích đạo</p> <p>- ĐTVvà</p> <p>.....chiếm ưu thế</p> <p>+TV Nhiều loài cây chịu hạn, rụng lá mùa khô</p> <p>+ ĐV thú lớn: Voi, hổ, bò</p>

	chòn)	rừng...Ở đầm lầy có trăn, rắn, cá sấu.
--	-------	--

2. Thiên nhiên phân hóa theo đông – tây: phân hóa thành 3 dải rõ rệt:

- Vùng đồi núi:

- + Vùng núi Tây Bắc có mùa đông ngắn, khí hậu phân hoá theo độ cao.
- + Vùng Đông Bắc có mùa đông đến sớm và kết thúc muộn.
- + Đông Trường Sơn và Tây Nguyên có sự khác biệt về thời Kỳ mưa và khô.

- Vùng đồng bằng:

- + Đồng bằng ven biển hẹp ngang, bị chia cắt thành những đồng bằng nhỏ.
- + Đồng bằng châu thổ diện tích rộng, có bãi triều, địa hình thấp, khá bằng phẳng.

- Vùng biển và thềm lục địa:

- + Thềm lục địa Nam Trung Bộ bị thu hẹp, tiếp giáp vùng biển nước sâu
- + Thềm lục địa phía bắc và phía nam đáy nông, mở rộng. Phía bắc có nhiều đảo ven

bờ

3. Thiên nhiên phân hóa theo độ cao của địa hình

a. Nguyên nhân là do sự phân hóa khí hậu theo đai cao, và biểu hiện rõ ở sự khác nhau về đất đai và sinh vật.

b. Đặc điểm của các đai cao

Tên đai cao	1. ĐAI NHIỆT ĐỐI GIÓ MÙA (chân núi)	2. ĐAI CẬN NHIỆT ĐỐI GIÓ MÙA TRÊN NÚI	3. ĐAI ÔN ĐỐI GIÓ MÙA TRÊN NÚI
Độ cao	- M Bắc: dưới m - M Nam: dướim	- MB: 600-700 →m - MN: 900-1000→m	Từm trở lên (Chỉ có ở Hoàng Liên Sơn)
Khí hậu	- Mùa hạ nóng - Độ ẩm thay đổi tùy nơi: Từ khô → ẩm ướt	- Mát mẻ, nhiệt độ < - Mưa nhiều hơn. Độ ẩm tăng	Khí hậu ôn đới, quanh năm < (mùa đông < 5 ⁰ C)
Đất	-Đồng bằng: Đất -Vùng đồi núi thấp: Đất	- Đất Feralit có - Đất (trên 1600m)	Đất <i>thô</i>
Sinh vật	- Rừnglá rộng thường xanh. ĐV đa dạng -Rừnggió	- ĐTV nhiệt - Độ cao >1700m: Rừng kém PT, xuất hiện loàivà các loài chim	Thực vật

	mùa: Rừng thường xanh, rừng nửa rụng lá, rừng thưa nhiệt đới khô	di trú	
--	--	--------	--

4. Các miền tự nhiên

Ở nước ta hình thành 3 miền địa lí tự nhiên với những đặc trưng cơ bản như sau:

Tên miền	Miền Bắc và Đông Bắc Bộ	Miền Tây Bắc Và Bắc Trung Bộ	Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ
Phạm vi	Vùng đồi núi tả ngạn sông Hồng và đồng bằng Sông Hồng.	Vùng núi hữu ngạn sông Hồng đến dãy Bạch Mã.	Từ dãy Bạch Mã trở vào.
Địa hình	Chủ yếu là đồi núi thấp, hướng vòng cung, có nhiều núi đá vôi, đồng bằng mở rộng, địa hình bờ biển đa dạng.	Địa hình cao nhất nước với độ dốc lớn, hướng chủ yếu là Tây Bắc – Đông Nam với các bề mặt sơn nguyên, cao nguyên, đồng bằng giữa núi.	Chủ yếu là cao nguyên, sơn nguyên. Đồng bằng Nam Bộ thấp, bằng phẳng và mở rộng.
Khoáng sản	Giàu khoáng sản : than, sắt, dầu khí,...	Có đất hiếm, sắt, crôm, titan.	Dầu khí có trữ lượng lớn, bôxít ở Tây Nguyên.
Khí hậu	Mùa đông lạnh do gió mùa Đông Bắc, mùa hạ nóng, mưa nhiều.	Ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc giảm dần.	2 mùa : mưa và khô.
Sông ngòi	Dày đặc, chảy theo hướng Tây Bắc – Đông Nam và vòng cung.	Có độ dốc lớn, chảy theo hướng Tây – Đông là chủ yếu.	Dày đặc.
Sinh vật	Nhiệt đới và á nhiệt đới, các loài sinh vật phương Bắc.	Xuất hiện các loài sinh vật phương Nam.	Cận xích đạo, các loài sinh vật phương Nam
Thiên tai	Mưa lũ, trượt lở đất,...	Bão lũ, trượt lở đất, hạn hán...	Xói mòn, rửa trôi, lụt, hạn...

F. VẤN ĐỀ SỬ DỤNG VÀ BẢO VỆ TỰ NHIÊN

1. Sử dụng và bảo vệ tài nguyên sinh vật.

a. Tài nguyên rừng

*** Vai trò: :**

- Cung cấp
- Cân bằng (chống xói mòn, hạn chế lũ lụt, tăng lượng nước ngầm...)

*** Hiện trạng:** DT rừng, nhưngdo phần lớn là rừng non

***Biện pháp :**

- Nângtừ 40% lên 45 - 50%, vùng núi 70 - 80%.
- Nhà Nước qui hoạch, bảo vệ và phát triển đối với 3 loại rừng:
 - + Rừng phòng hộ:.....
 - + Rừng đặc dụng: của các vườn QG, khu bảo tồn thiên nhiên.
 - + Rừng sản xuất:
- Giao quyền sử dụng đất và bảo vệ rừng
- Phấn đấu năm 2010

b. Đa dạng sinh học:

*** Hiện trạng:** SV tự nhiên nước ta đa dạng (về số lượng loài, các kiểu hệ sinh thái và nguồn gen quý hiếm) nhưng nguyên nhân do:

- DT rừng thu hẹp làm nghèo.....
- Nguồn SV dưới nước giảm sút do

*** Biện pháp bảo vệ:**

- Xây dựng, mở rộng hệ thống.....và các khu
- Ban hành sách đỏ VN để bảo vệ các.....
- Quy định việc khai thác để sử dụng lâu dài các nguồn lợi SV

2. Sử dụng và bảo vệ tài nguyên đất

a. Hiện trạng sử dụng tài nguyên đất ở nước ta:

- Cơ cấu các loại hình sử dụng đất: chiếm tỉ lệ cao nhất là đất lâm nghiệp, tiếp đến là đất nông nghiệp.
- Bình quân đất nông nghiệp theo đầu người thấp.
- Khả năng mở rộng đất nông nghiệp ở đồng bằng không nhiều.
- Đất chưa sử dụng còn chiếm tỉ lệ cao, trong đó đa phần là đất bị thoái hóa. Biểu hiện của suy thoái đất là: đất bị bạc màu, nhiễm mặn, đá ong hóa...

b. Các biện pháp bảo vệ tài nguyên đất

- Đối với vùng núi cần áp dụng tổng thể biện pháp như: thủy lợi, canh tác theo lối làm ruộng bậc thang, trồng cây cải tạo đất hoang, biện pháp nông - lâm kết hợp, định canh định cư...

- Đối với đồng bằng cần quản lí chặt vốn đất và có kế hoạch mở rộng diện tích đất nông nghiệp, tăng cường thâm canh, chống bạc màu, chống phèn, chống mặn, chống ô nhiễm đất...

3. Sử dụng và bảo vệ các tài nguyên khác

- Tài nguyên nước: sử dụng hiệu quả, tiết kiệm, đảm bảo cân bằng nước, phòng chống ô nhiễm.

- Tài nguyên khoáng sản: quản lí chặt chẽ việc khai thác, tránh lãng phí và làm ô nhiễm môi trường.

- Tài nguyên du lịch: bảo tồn, tôn tạo, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, tránh ô nhiễm môi trường.

- Khai thác, sử dụng hợp lí và bền vững các nguồn tài nguyên khác như tài nguyên khí hậu, biển,...

4. Bảo vệ môi trường

- *Tình trạng mất cân bằng sinh thái:* gia tăng cường độ, tần suất thiên tai và sự biến đổi bất thường của khí hậu.

- *Tình trạng ô nhiễm môi trường:* ô nhiễm nước, không khí và đất.

→ Cần sử dụng tài nguyên hợp lí, lâu bền và đảm bảo chất lượng môi trường sống cho con người.

5. Một số thiên tai và biện pháp phòng chống

Thiên tai	Thời gian xảy ra	Nơi xảy ra	Hậu quả	Biện pháp phòng chống
Bão	Chủ yếu ở vùng biển và ven biển	Mưa to, gió lớn, sóng lớn gây lũ lụt, ngập mặn, tàn phá các công trình, hoạt động sản xuất và đời sống nhân dân	- Làm tốt công tác dự báo - Củng cố đê biển - Đưa tàu thuyền về nơi trú ẩn - Sơ tán dân - Chống lụt, úng, lũ, xói mòn đất
Ngập lụt	Chủ yếu ở đồng bằng	Gây mất mùa, thiệt hại cho sản xuất và đời sống	Xây dựng các công trình thoát lũ và ngăn thủy triều
Lũ quét	Lưu vực các sông suối miền	Thiệt hại lớn cho sản xuất, đời sống.	- Quy hoạch dân cư xa nơi có thể xảy ra lũ quét - Làm thủy lợi

		núi		- Quản lí sử dụng đất - Trồng và bảo vệ rừng
Hạn hán	Những vùng khuất gió, ít mưa	- Thiệt hại sản xuất (nông nghiệp) và trở ngại sinh hoạt - Gây cháy rừng	- Xây dựng các công trình thủy lợi hợp lí - Dự báo và phòng chống cháy rừng

6. Chiến lược quốc gia về bảo vệ tài nguyên và môi trường

- Duy trì các hệ sinh thái và các quá trình sinh thái chủ yếu, có ý nghĩa quyết định đến đời sống con người.
- Đảm bảo sự giàu có của đất nước về đa dạng sinh học.
- Sử dụng hợp lí các tài nguyên thiên nhiên.
- Đảm bảo chất lượng môi trường, phấn đấu đạt tới trạng thái ổn định dân số ở mức cân bằng với khả năng sử dụng hợp lí các tài nguyên.
- Ngăn ngừa ô nhiễm môi trường, kiểm soát và cải tạo môi trường.